

Danh sách thủ tục hành chính có phí, lệ phí cấp xã

Danh sách thủ tục hành chính có phí, lệ phí

Mã số TTHC	Mã thu	Tên TTHC	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	Tên lệ phí, phí	Mức phí, lệ phí	Tên Quyết định	Trạng thái TTHC
2.002640.000.00.00.H31	46721	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.002642.000.00.00.H31	46722	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

1.004047.000.00.00.H31	66817	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	70000	1659/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	Mở
1.001279.000.00.00.H31	66729	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6-2025	Mở
1.001279.000.00.00.H31	66729	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6-2025	Mở
2.001263.000.00.00.H31	53610	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	400000	1491 ngày 26-6-2025	Mở
2.002648.000.00.00.H31	46724	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác,	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

		hợp tác xã	hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã					
2.002646.000.00.00.H31	46742	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.002228.000.00.00.H31	46753	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.000575.000.00.00.H31	46735	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi	Thành lập và hoạt động doanh	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 260/QĐ-UBND ngày 09/7/2025	Mở

		sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	ngiệp (hộ kinh doanh)					
2.002668.000.00.00.H31	46769	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.001240.000.00.00.H31	57528	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6- 2025	Mở
2.001240.000.00.00.H31	57528	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6- 2025	Mở
2.000181.000.00.00.H31	59821	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6- 2025	Mở

			trong nước					
2.000181.000.00.00.H31	59821	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6-2025	Mở
3.000323.000.00.00.H31	46586	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.002650.000.00.00.H31	46725	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	30000	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
1.005377.000.00.00.H31	46749	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

		xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	hiệp hợp tác xã					
1.001570.000.00.00.H31	46717	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 260/QĐ-UBND ngày 09/7/2025	Mở
2.000635.000.00.00.H31	46629	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch	MUC_DO_4	phí thủ tục	8000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000635.000.00.00.H31	46629	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	8000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.001266.000.00.00.H31	46718	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 260/QĐ-UBND ngày 09/7/2025	Mở

			ng nghiệp (hộ kinh doanh)					
1.004979.000.00.00.H31	46748	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.002636.000.00.00.H31	46737	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

		diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo						
1.000689.000.00.00.H31	46856	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.000689.000.00.00.H31	46856	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	15000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.000689.000.00.00.H31	46856	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	MUC_DO_4	Trường hợp quá hạn	20000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

1.001193.000.00.00.H31	46844	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí cấp bản sao	5000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.001193.000.00.00.H31	46844	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.001193.000.00.00.H31	46844	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.002649.000.00.00.H31	46743	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	30000	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
1.001612.000.00.00.H31	46734	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	số 260/QĐ- UBND ngày 09/7/2025	Mở

1.001612.000.00.00.H31	46734	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 260/QĐ-UBND ngày 09/7/2025	Mở
2.000720.000.00.00.H31	46716	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 260/QĐ-UBND ngày 09/7/2025	Mở
2.002643.000.00.00.H31	46740	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
3.000322.000.00.00.H31	46874	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

		hộ						
2.002644.000.00.00.H31	46723	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.000779.000.00.00.H31	46846	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	1500000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000779.000.00.00.H31	46846	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	750000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000513.000.00.00.H31	46870	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	1500000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

2.000513.000.00.00.H31	46870	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	750000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.001766.000.00.00.H31	46871	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.001766.000.00.00.H31	46871	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	37000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.001766.000.00.00.H31	46871	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	750000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.001958.000.00.00.H31	46746	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

1.005378.000.00.00.H31	46767	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
1.004859.000.00.00.H31	46875	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	15000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.004859.000.00.00.H31	46875	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.004859.000.00.00.H31	46875	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	15000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

		dân tộc						
2.002635.000.00.00.H31	46736	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	30000	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
1.004982.000.00.00.H31	46750	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

2.002641.000.00.00.H31	46739	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.002637.000.00.00.H31	46719	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

1.004901.000.00.00.H31	46747	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
1.000419.000.00.00.H31	46879	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	5000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.000656.000.00.00.H31	46843	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.000656.000.00.00.H31	46843	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	5000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.002645.000.00.00.H31	46741	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

2.002639.000.00.00.H31	46738	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
1.005277.000.00.00.H31	46726	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.002226.000.00.00.H31	46752	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

			xã, liên hiệp hợp tác xã					
2.001973.000.00.00.H31	46768	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
1.001669.000.00.00.H31	46864	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.001669.000.00.00.H31	46864	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	50000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

2.000806.000.00.00.H31	46862	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_3	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000522.000.00.00.H31	46859	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	75000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000522.000.00.00.H31	46859	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.003583.000.00.00.H31	46878	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	5000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.000893.000.00.00.H31	46868	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	75000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

1.000893.000.00.00.H31	46868	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.000893.000.00.00.H31	46868	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	37000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000554.000.00.00.H31	46877	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

2.000554.000.00.00.H31	46877	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	50000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000554.000.00.00.H31	46877	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	25000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.004746.000.00.00.H31	46869	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	30000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

2.000748.000.00.00.H31	46876	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.005461.000.00.00.H31	46872	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.004873.000.00.00.H31	46880	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.004873.000.00.00.H31	46880	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	15000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.004873.000.00.00.H31	46880	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.002516.000.00.00.H31	46881	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	8000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

2.002516.000.00.00.H31	46881	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	8000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000547.000.00.00.H31	46888	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	50000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

2.000547.000.00.00.H31	46888	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.009454.000.00.00.H31	66809	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy	MUC_DO_4	Phí thủ tục	100000	số 1610 ngày 27-6-2026	Mở
2.000528.000.00.00.H31	46857	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

2.000528.000.00.00.H31	46857	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	75000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000528.000.00.00.H31	46857	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	37000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000756.000.00.00.H31	46866	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	50000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000497.000.00.00.H31	46863	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000497.000.00.00.H31	46863	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	25000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000497.000.00.00.H31	46863	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	50000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

2.002189.000.00.00.H31	46887	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	50000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.002189.000.00.00.H31	46887	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.004884.000.00.00.H31	46858	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	5000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.004884.000.00.00.H31	46858	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

1.004772.000.00.00.H31	46860	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	5000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.004772.000.00.00.H31	46860	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.005010.000.00.00.H31	46751	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
1.001695.000.00.00.H31	46867	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	75000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

		ngoài						
1.001695.000.00.00.H31	46867	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	750000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.001695.000.00.00.H31	46867	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	37000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.001695.000.00.00.H31	46867	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	1500000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

1.005280.000.00.00.H31	46744	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.002363.000.00.00.H31	53819	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nuôi con nuôi	MUC_DO_4		0	1491 ngày 26-6-2025	Mở
2.002123.000.00.00.H31	46745	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác,	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

		địa điểm kinh doanh	hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã					
2.002638.000.00.00.H31	46720	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.001261.000.00.00.H31	57505	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí	MUC_DO_4	Phí Thẩm định	600000	số 1606 ngày 27-6- 2025	Mở
2.000162.000.00.00.H31	59822	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6- 2025	Mở

2.000162.000.00.00.H31	59822	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6-2025	Mở
2.002303.000.00.00.H31	57522	Lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý	Người có công	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	2938/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	Mở
2.001008.000.00.00.H31	58049	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	Chứng Thực	MUC_DO_3	Phí thủ tục	10000	1607/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Mở
2.000942.000.00.00.H31	58576	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Chứng Thực	MUC_DO_3	Phí thủ tục	2000	1607/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Mở

2.000927.000.00.00.H31	58577	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Chứng Thực	MUC_DO_3	Phí thủ tục	25000	1607/QĐ- UBND ngày 27/6/2025	Mở
2.000815.000.00.00.H31	59308	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng Thực	MUC_DO_3	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ	0	1607/QĐ- UBND ngày 27/6/2025	Mở

2.000815.000.00.00.H31	59308	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng Thực	MUC_DO_3	Test	0	1607/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Mở
2.001019.000.00.00.H31	66296	Thủ tục chứng thực di chúc	Chứng Thực	MUC_DO_3	Phí thủ tục	0	1607/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Mở

2.000884.000.00.00.H31	59089	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng Thực	MUC_DO_3	Phí thủ tục	10000	1607/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Mở
2.000913.000.00.00.H31	58578	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Chứng Thực	MUC_DO_3	Phí thủ tục	30000	1607/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Mở

1.013232.000.00.00.H31	59824	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	số 1610 ngày 27-6- 2026	Mở
2.000150.000.00.00.H31	59823	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6- 2025	Mở

2.000150.000.00.00.H31	59823	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6-2025	Mở
1.013225.000.00.00.H31	59826	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	số 1610 ngày 27-6-2026	Mở

2.000620.000.00.00.H31	60026	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	200000	số 1606 ngày 27-6- 2025	Mở
2.000620.000.00.00.H31	60026	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Phí thủ tục	1200000	số 1606 ngày 27-6- 2025	Mở

Danh sách thủ tục hành chính có phí, lệ phí

Mã số TTHC	Mã thu	Tên TTHC	Lĩnh vực	Dịch vụ công trực tuyến	Tên lệ phí, phí	Mức phí, lệ phí	Tên Quyết định	Trạng thái TTHC
2.002640.000.00.00.H31	46721	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

2.002642.000.00.00.H31	46722	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
1.004047.000.00.00.H31	66817	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	70000	1659/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	Mở
1.001279.000.00.00.H31	66729	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6-2025	Mở
1.001279.000.00.00.H31	66729	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6-2025	Mở

2.001263.000.00.00.H31	53610	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	400000	1491 ngày 26-6-2025	Mở
2.002648.000.00.00.H31	46724	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.002646.000.00.00.H31	46742	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.002228.000.00.00.H31	46753	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

			xã, liên hiệp hợp tác xã					
2.000575.000.00.00.H31	46735	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 260/QĐ- UBND ngày 09/7/2025	Mở
2.002668.000.00.00.H31	46769	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.001240.000.00.00.H31	57528	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6- 2025	Mở
2.001240.000.00.00.H31	57528	Cấp lại Cấp Giấy phép	Lưu thông	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6-	Mở

		bán lẻ rượu	hàng hóa trong nước				2025	
2.000181.000.00.00.H31	59821	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6- 2025	Mở
2.000181.000.00.00.H31	59821	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6- 2025	Mở
3.000323.000.00.00.H31	46586	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.002650.000.00.00.H31	46725	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	30000	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

1.005377.000.00.00.H31	46749	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
1.001570.000.00.00.H31	46717	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 260/QĐ-UBND ngày 09/7/2025	Mở
2.000635.000.00.00.H31	46629	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch	MUC_DO_4	phí thủ tục	8000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000635.000.00.00.H31	46629	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	8000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

1.001266.000.00.00.H31	46718	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 260/QĐ-UBND ngày 09/7/2025	Mở
1.004979.000.00.00.H31	46748	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

2.002636.000.00.00.H31	46737	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
1.000689.000.00.00.H31	46856	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.000689.000.00.00.H31	46856	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	15000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

1.000689.000.00.00.H31	46856	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	MUC_DO_4	Trường hợp quá hạn	20000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.001193.000.00.00.H31	46844	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí cấp bản sao	5000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.001193.000.00.00.H31	46844	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.001193.000.00.00.H31	46844	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.002649.000.00.00.H31	46743	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	30000	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

1.001612.000.00.00.H31	46734	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	số 260/QĐ-UBND ngày 09/7/2025	Mở
1.001612.000.00.00.H31	46734	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 260/QĐ-UBND ngày 09/7/2025	Mở
2.000720.000.00.00.H31	46716	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 260/QĐ-UBND ngày 09/7/2025	Mở
2.002643.000.00.00.H31	46740	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác,	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

			hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã					
3.000322.000.00.00.H31	46874	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.002644.000.00.00.H31	46723	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.000779.000.00.00.H31	46846	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	1500000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

2.000779.000.00.00.H31	46846	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	750000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000513.000.00.00.H31	46870	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	1500000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000513.000.00.00.H31	46870	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	750000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.001766.000.00.00.H31	46871	Thủ tục đăng ký khởi tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

1.001766.000.00.00.H31	46871	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	37000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.001766.000.00.00.H31	46871	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	750000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.001958.000.00.00.H31	46746	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

1.005378.000.00.00.H31	46767	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
1.004859.000.00.00.H31	46875	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	15000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.004859.000.00.00.H31	46875	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

1.004859.000.00.00.H31	46875	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	15000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.002635.000.00.00.H31	46736	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	30000	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
1.004982.000.00.00.H31	46750	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên	Thành lập và hoạt	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày	Mở

		hiệp hợp tác xã	động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã				25/6/2025	
2.002641.000.00.00.H31	46739	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.002637.000.00.00.H31	46719	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

		tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	xã					
1.004901.000.00.00.H31	46747	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
1.000419.000.00.00.H31	46879	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	5000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

1.000656.000.00.00.H31	46843	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.000656.000.00.00.H31	46843	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	5000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.002645.000.00.00.H31	46741	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.002639.000.00.00.H31	46738	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

			hiệp hợp tác xã					
1.005277.000.00.00.H31	46726	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.002226.000.00.00.H31	46752	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở

			xã					
2.001973.000.00.00.H31	46768	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
1.001669.000.00.00.H31	46864	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

1.001669.000.00.00.H31	46864	Thủ tục đăng ký giảm hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	50000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000806.000.00.00.H31	46862	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_3	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000522.000.00.00.H31	46859	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	75000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000522.000.00.00.H31	46859	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.003583.000.00.00.H31	46878	Thủ tục đăng ký	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	5000	QĐ số 1483 ngày	Mở

		khai sinh lưu động					25-6-2025	
1.000893.000.00.00.H31	46868	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	75000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.000893.000.00.00.H31	46868	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.000893.000.00.00.H31	46868	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	37000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

		tờ cá nhân						
2.000554.000.00.00.H31	46877	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000554.000.00.00.H31	46877	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	50000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

		quan có thẩm quyền của nước ngoài						
2.000554.000.00.00.H31	46877	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	25000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.004746.000.00.00.H31	46869	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	30000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

2.000748.000.00.00.H31	46876	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.005461.000.00.00.H31	46872	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.004873.000.00.00.H31	46880	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.004873.000.00.00.H31	46880	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	15000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

1.004873.000.00.00.H31	46880	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.002516.000.00.00.H31	46881	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	8000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.002516.000.00.00.H31	46881	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	8000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000547.000.00.00.H31	46888	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	50000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

		hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)						
2.000547.000.00.00.H31	46888	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

		tử; thay đổi hộ tịch)						
1.009454.000.00.00.H31	66809	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy	MUC_DO_4	Phí thủ tục	100000	số 1610 ngày 27-6- 2026	Mở
2.000528.000.00.00.H31	46857	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000528.000.00.00.H31	46857	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	75000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

2.000528.000.00.00.H31	46857	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	37000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000756.000.00.00.H31	46866	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	50000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000497.000.00.00.H31	46863	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.000497.000.00.00.H31	46863	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	25000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

2.000497.000.00.00.H31	46863	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	50000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.002189.000.00.00.H31	46887	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	50000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
2.002189.000.00.00.H31	46887	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

		ngoài						
1.004884.000.00.00.H31	46858	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	5000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.004884.000.00.00.H31	46858	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.004772.000.00.00.H31	46860	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	5000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.004772.000.00.00.H31	46860	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ,	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

		giấy tờ cá nhân						
1.005010.000.00.00.H31	46751	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
1.001695.000.00.00.H31	46867	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	75000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.001695.000.00.00.H31	46867	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	750000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

		đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài						
1.001695.000.00.00.H31	46867	Thủ tục đăng ký khải sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Phí thủ tục	37000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở
1.001695.000.00.00.H31	46867	Thủ tục đăng ký khải sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	1500000	QĐ số 1483 ngày 25-6-2025	Mở

1.005280.000.00.00.H31	46744	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyên đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.002363.000.00.00.H31	53819	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nuôi con nuôi	MUC_DO_4		0	1491 ngày 26-6-2025	Mở

2.002123.000.00.00.H31	46745	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.002638.000.00.00.H31	46720	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	QĐ 1474 ngày 25/6/2025	Mở
2.001261.000.00.00.H31	57505	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG	Kinh doanh khí	MUC_DO_4	Phí Thẩm định	600000	số 1606 ngày 27-6-2025	Mở

		chai						
2.000162.000.00.00.H31	59822	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6- 2025	Mở
2.000162.000.00.00.H31	59822	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6- 2025	Mở
2.002303.000.00.00.H31	57522	Lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý	Người có công	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	2938/QĐ- UBND ngày 18/12/2020	Mở

2.001008.000.00.00.H31	58049	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	Chứng Thực	MUC_DO_3	Phí thủ tục	10000	1607/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Mở
2.000942.000.00.00.H31	58576	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Chứng Thực	MUC_DO_3	Phí thủ tục	2000	1607/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Mở
2.000927.000.00.00.H31	58577	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Chứng Thực	MUC_DO_3	Phí thủ tục	25000	1607/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Mở

2.000815.000.00.00.H31	59308	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng Thực	MUC_DO_3	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ	0	1607/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Mở
------------------------	-------	---	------------	----------	---	---	--------------------------------	----

2.000815.000.00.00.H31	59308	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng Thực	MUC_DO_3	Test	0	1607/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Mở
2.001019.000.00.00.H31	66296	Thủ tục chứng thực	Chứng Thực	MUC_DO_3	Phí thủ tục	0	1607/QĐ-UBND ngày	Mở

		di chúc					27/6/2025	
2.000884.000.00.00.H31	59089	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng Thực	MUC_DO_3	Phí thủ tục	10000	1607/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Mở
2.000913.000.00.00.H31	58578	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Chứng Thực	MUC_DO_3	Phí thủ tục	30000	1607/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Mở

1.013232.000.00.00.H31	59824	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	số 1610 ngày 27-6- 2026	Mở
2.000150.000.00.00.H31	59823	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm	Lưu thông hàng hóa	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6- 2025	Mở

		thuốc lá	trong nước					
2.000150.000.00.00.H31	59823	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	0	số 1606 ngày 27-6-2025	Mở
1.013225.000.00.00.H31	59826	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo	Hoạt động xây dựng	MUC_DO_4	Phí thủ tục	0	số 1610 ngày 27-6-2026	Mở

		giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ						
2.000620.000.00.00.H31	60026	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Lệ phí thủ tục	200000	số 1606 ngày 27-6- 2025	Mở
2.000620.000.00.00.H31	60026	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	MUC_DO_4	Phí thủ tục	1200000	số 1606 ngày 27-6- 2025	Mở